

Ngày 13/6/2014, bà có đơn đề nghị UBND huyện C không thực hiện các thủ tục giao dịch đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26, diện tích 15.270,7m², địa chỉ thửa đất tại thôn M, thị trấn C, huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345920 ngày 24/4/2009 mang tên ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3.

Ngày 01/7/2014, UBND huyện C ban hành công văn số 787/UBND yêu cầu bà phải có văn bản áp dụng biện pháp ngăn chặn của Tòa án.

Ngày 11/7/2014, Tòa án huyện Y, tỉnh Ninh Bình có văn bản số 168/2014/CV-TA gửi UBND huyện C và các ban ngành liên quan.

Ngày 12/02/2015, Chi cục thi hành án dân sự huyện C căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 quy định tại khoản 1, điều 6 để ban hành văn bản số 64/CV-CCTHA đề nghị UBND huyện, các phòng ban liên quan không đăng ký giao dịch đảm bảo, không chứng thực đối với tài sản nêu trên.

Ngày 14/9/2016, bà có đơn đề nghị Chi cục thi hành án huyện C tiếp tục kê biên tài sản là thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 để ông H2, bà H3 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Ngày 18/10/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện C ban hành văn bản số 496/TLĐ-THADS trả lời bà là ngày 17/6/2016 UBND huyện C đã cho ông H2, bà H3 chuyển nhượng thửa đất nói trên cho bà Giang Thị Thanh L.

Biết được việc làm trên, bà có đơn khiếu nại nhưng UBND huyện C không giải quyết khiếu nại của bà theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/01/2017, UBND huyện C đã ban hành văn bản số 104/UBND-NC trả lời bà cho rằng bà Đỗ Thị H yêu cầu hủy bỏ toàn bộ kết quả thực hiện thủ tục hành chính là không có cơ sở với lý do sau: Ngày 28/10/2015, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã có văn bản số 256/CV-TA thông báo công văn số 168/2014/CV-TA ngày 11/7/2014 đã hết hiệu lực kể từ ngày 23/7/2014.

Ngày 02/3/2017, UBND huyện C lại ban hành văn bản số 248/UBND-NC cho rằng căn cứ vào hồ sơ vụ việc và các quy định của pháp luật hiện hành, UBND huyện C không thụ lý giải quyết nội dung đơn khiếu nại và các yêu cầu của bà Đỗ Thị H, giữ nguyên văn bản số 104/UBND-NC về việc trả lời đơn khiếu nại cho bà H.

Không nhất trí với các văn bản trả lời khiếu nại của UBND huyện C, bà tiếp tục gửi đơn. Ngày 23/11/2018, chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định số 847/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu, nội dung:

Trang 01, dòng 24 dưới lên: “Xét nội dung đơn khiếu nại đề ngày 18/8/2018. Báo cáo số 122/BC-TKT ngày 14/11/2018 của tổ kiểm tra đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị H”.

Trang 2, dòng 10 trên xuống: “sau khi nhận được đơn khiếu nại đề ngày 01/8/2017 của bà Đỗ Thị H, UBND huyện C đã ban hành thông báo số 158/TB-UBND ngày 23/8/2017 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại”.

Trang 3, dòng 5 dưới lên: Ngày 29/1/2016 UBND huyện C ban hành văn bản số 134/UBND-NC về việc tạm hoãn giao dịch thủ tục hành chính đối với thửa đất số 92..sau đó bà Giang Thị Thanh L khiếu nại văn bản số 134/UBND-NC của UBND huyện C.

Trang 5, dòng 21 trên xuống: Căn cứ vào kết quả làm việc với thanh tra tỉnh Gia Lai và các văn bản nêu trên ngày 10/6/2016 UBND huyện C ban hành văn bản số 695/UBND-NC về việc cho phép thực hiện các giao dịch đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26”

Trang 6, dòng 12 dưới lên: Kết quả đối thoại: ngày 06/11/2018, ông Phạm Trung Kết đến làm việc với tổ kiểm tra..Kết luận: Bà Đỗ Thị H khiếu nại UBND huyện C cho đăng ký sang tên chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26..Đề nghị UBND huyện thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho bà Giang Thị Thanh L, khôi phục lại tình trạng ban đầu để Chi cục thi hành án huyện C xử lý kê biên tài sản của ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3 để trả nợ cho bà H là không có cơ sở

Quyết định: Không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại ngày 18/8/2018 của bà Đỗ Thị H.

Thực tế, việc giải quyết khiếu nại của UBND huyện C không khách quan, không giải quyết theo yêu cầu của người khiếu nại về việc: Khiếu nại UBND huyện C căn cứ vào văn bản 256/CV-TA cho ông H2, bà H3 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Giang Thị Thanh L trái quy định của pháp luật dẫn đến việc ban hành Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 vi phạm nghiêm trọng pháp luật về giải quyết khiếu nại, cụ thể:

Hình thức: Biên bản đối thoại không đúng mẫu số 14-KN (ban hành kèm theo thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ

Nội dung: Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 mâu thuẫn, đầu thụ lý đơn khiếu nại đề ngày 01/8/2017, cuối không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại ngày 18/8/2018.

Điều 7, khoản 1, chữ a Thông tư số 02 quy định: “Trong quá trình giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính, người giải quyết khiếu nại lần đầu tiến hành đối thoại nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau..”

Căn cứ quy định trên việc UBND huyện C chỉ đạo giao tổ kiểm tra tổ chức đối thoại là trái quy định của pháp luật.

Điều 18 khoản 1 Luật khiếu nại quy định : “Thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện. giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình..”

Căn cứ quy định trên Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/11/2018, phó chủ tịch Nguyễn Hữu Tâm ký thay chủ tịch là trái thẩm quyền.

Vì những lý do trên bà yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C.

2. Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Hữu Tâm có ý kiến như sau:

Ông Phạm Viết H2 bà Nguyễn Thị H3 vay tiền của bà Đỗ Thị H, vụ việc được khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình xét xử TAND huyện Y ban hành văn bản số 168/2014/CV-TA ngày 11/7/2014 đề nghị UBND huyện C tạm dừng giải quyết các thủ tục giao dịch đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26, diện tích 15.270,7 m², địa chỉ thửa đất tại thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345920 ngày 24/4/2009 để ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản của ông H2, bà H3.

- Ngày 12/02/2015 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ban hành văn bản số 64/CV-CCTHA về việc đề nghị phối hợp thi hành án, trong văn bản đề nghị UBND huyện C không đăng ký giao dịch bảo đảm, không chứng thực, xác nhận cho bất kỳ giao dịch dân sự nào liên quan đến việc chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, tặng cho đối với 03 thửa đất của ông H2, bà H3, trong đó có thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26.

Theo đề nghị trên, các cơ quan chức năng thuộc huyện C đã tạm dừng các thủ tục giao dịch đối với thửa đất.

- Ngày 20/01/2016, UBND huyện C nhận được đơn của bà Đỗ Thị H đề nghị UBND huyện C và các cơ quan chức năng không giải quyết yêu cầu của bà Giang Thị Thanh L liên quan đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Tòa án huyện Y đã áp dụng biện pháp ngăn chặn số 168/2014/CV-TA ngày 11/7/2014; với lý do Quyết định số 06/2014/QĐST-DS công nhận sự thỏa thuận giữa vợ chồng ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3 với bà Giang Thị Thanh L (liên quan đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26) là trái quy định đang được Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tiến hành xem xét kháng nghị, bà H gửi kèm theo các văn bản trên và phiếu nhận đơn đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định số 06/2014/QĐST-DS.

- Ngày 29/01/2016, UBND huyện C ban hành văn bản số 134/UBND-NC về việc tạm hoãn giao dịch thủ tục hành chính đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345920.

Sau đó bà Giang Thị Thanh L khiếu nại văn bản số 134/UBND-NC của UBND huyện C đến Thanh tra tỉnh Gia Lai. Tại buổi đối thoại ngày 09/9/2016, Thanh tra tỉnh đã đề nghị UBND huyện C thu hồi văn bản số 134/UBND-NC ngày 29/01/2016 và giải quyết các giao dịch dân sự cho bà Giang Thị Thanh L theo Quyết định số 06/2014/QĐST-DS của TAND thành phố N, với các lý do sau:

- Quyết định số 06/2014/QĐST-DS ngày 17/9/2014 TAND thành phố N, tỉnh Ninh Bình ban hành công nhận sự thỏa thuận giữa ông Phạm Viết H2, bà Nguyễn Thị H3 về việc chuyển giao thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 cho bà Giang Thị Thanh L để thay thế việc trả nợ và yêu cầu UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp giấy CNQSD đất cho bà Giang Thị Thanh L đối với diện tích 15.270,7 m² thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26.

- Công văn số 256/CV-TA ngày 28/10/2015 của TAND huyện Y, thông báo “ngày 22/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Y đã xét xử xong vụ án và tại bản án số 01/2014/DS-ST ngày 22/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Y không có quyết định gì liên quan đến mảnh đất trên. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Y thông báo là công văn số 168/2014/CV-TA ngày 11/7/2014 Tòa án nhân dân huyện Y đã hết hiệu lực từ ngày 23/7/2014” tức là thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 không liên quan đến bản án sơ thẩm và công văn số 168/2014/CV-TA hết hiệu lực từ ngày 23/7/2014.

- Thông báo số 241a/TB-VC1-DS ngày 07/6/2016 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc trả lời đơn đề nghị kháng nghị tái thẩm cho bà Đỗ Thị H, được trích như sau: “Quyền sử dụng diện tích 907 m² đất thửa đất số 89 tờ bản đồ số 26 được ghi nhận trong bản án phúc thẩm số 14/2014/DS-PT ngày 26/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình không liên quan đến quyền sử dụng diện tích 15.270,7 m² đất thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 được ghi nhận Quyết định số 06/2014/QĐST-DS ngày 17/9/2014 của TAND thành phố N, tỉnh Ninh Bình, hai thửa đất này là hoàn toàn khác nhau. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy không có tình tiết mới để làm căn cứ kháng nghị tái thẩm đối với Quyết định số 06/2014/QĐST-DS ngày 17/9/2014 của TAND thành phố N, tỉnh Ninh Bình”.

- Ngoài ra, UBND huyện còn thu thập được bản án dân sự sơ thẩm số 01/2014/DS-ST ngày 22/7/2014 của TAND huyện Y; bản án phúc thẩm số 14/2014/DS-PT ngày 26/12/2014 của TAND tỉnh Ninh Bình; quyết định công nhận sự thỏa thuận của bà H và ông H2, chị H3. Nội dung quyết định tuyên xử trong bản án sơ thẩm của TAND huyện Y và bản án phúc thẩm của TAND tỉnh Ninh Bình về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Đỗ Thị H với vợ chồng ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3, không tuyên xử gì liên quan đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345920 mang tên ông Phạm Viết H2.

- Công văn số 61/CV-CCTHA ngày 22/01/2016 của Chi cục THADS huyện C về việc thu hồi một phần công văn số 64/CV-CCTHA ngày 12/02/2015, được trích như sau: “Hiện tại, Chi cục Thi hành án dân sự huyện vẫn chưa xử lý xong 02 tài sản (QSD đất số AP 220001 và số AP 213423) nhưng trong phần công văn số 64/CV-CCTHA ngày 12/02/2015 của Chấp hành viên Nguyễn Xuân

Vốn ban hành về việc đề nghị các cơ quan ban ngành huyện phối hợp không giao dịch dân sự đối với tài sản mang Giấy CNQSD đất số AO 345920 ngày 24/4/2009 của ông H2, bà H3 là chưa phù hợp với các điểm, khoản quy định về thẩm quyền của Chấp hành viên. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, Chi cục THADS huyện thu hồi một phần nội dung công văn số 64/CV-CCTHA ngày 12/02/2015 “về việc đề nghị các cơ quan ban ngành huyện không đăng ký giao dịch đảm bảo, không chứng thực, xác nhận cho bất kỳ giao dịch dân sự nào liên quan đến việc chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, tặng cho đối với tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 15.270,7 m² đất nông nghiệp, trên đất có trồng hồ tiêu thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 được UBND huyện C cấp Giấy CNQSD đất số AO 345920, ngày 24/4/2009 mang tên ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3, địa chỉ thửa đất tại thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.”

Căn cứ vào kết quả làm việc với Thanh tra tỉnh Gia Lai và các văn bản đã nêu trên, ngày 10/6/2016 UBND huyện C ban hành văn bản số 695/UBND-NC về việc cho phép thực hiện các giao dịch hành chính đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345920 ngày 24/4/2009 mang tên ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3

Sau đó, bà Đỗ Thị H gửi đơn khiếu nại UBND huyện C về việc UBND huyện chỉ căn cứ vào công văn số 256/CV-TA ngày 28/10/2015 của TAND huyện Y mà không căn cứ vào quy định tại thông tư liên tịch số 14/2010/TT-BTP-TANDTC-VKSNDTC cho sang tên đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất số AO 345920 ngày 24/4/2009 là trái quy định.

UBND huyện C đã thụ lý đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị H theo quy định. Sau khi xem xét lại các hồ sơ, tài liệu có liên quan, UBND huyện nhận thấy vụ việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Đỗ Thị H với ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3 đã được TAND huyện Y và TAND tỉnh Ninh Bình quyết định tuyên xử không có liên quan gì đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345920 ngày 24/4/2009 mang tên ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3 để đảm bảo thi hành án cho vụ việc. Quyền sử dụng thửa đất số 89 tờ bản đồ số 26 được ghi nhận trong bản án phúc thẩm số 14/2014/DS-PT không liên quan đến quyền sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 được ghi nhận Quyết định số 06/2014/QĐST-DS ngày 17/9/2014 của TAND thành phố N, tỉnh Ninh Bình, hai thửa đất này là hoàn toàn khác nhau và UBND huyện chưa nhận được quyết định nào khác của cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 để thi hành án cho vụ việc tranh chấp của bà Đỗ Thị H.

Việc bà Đỗ Thị H khiếu nại UBND huyện C cho đăng ký sang tên chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26, diện tích 15.270,7 m², địa chỉ thửa đất tại thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia

Lai được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 345920 ngày 24/4/2009 từ ông Phạm Viết H2 sang bà Giang Thị Thanh L là trái pháp luật và đề nghị UBND huyện thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho bà Giang Thị Thanh L, khôi phục lại tình trạng ban đầu để Chi cục thi hành án huyện C xử lý kê biên tài sản của ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3 để trả nợ cho bà Đỗ Thị H là không có cơ sở. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 về việc giải quyết nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị H với nội dung không công nhận đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị H là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại, mục 2 Luật khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ quy định về trình tự giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 121, 122 Luật tổ chức chính quyền địa phương.

Căn cứ Điều 167 Luật Đất đai 2013

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Đỗ Thị H về yêu cầu hủy Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị H, trú tại số 27, đường 4, Phố 11, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (lần đầu).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2020, người khởi kiện bà Đỗ Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, hủy Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Đỗ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai tại đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C. Tại đơn kháng cáo người khởi kiện bà Đỗ Thị H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đúng nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H hủy Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Đỗ Thị H và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị H thì thấy:

Ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3 vay tiền của bà Đỗ Thị H. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2014/DS-ST ngày 22.7.2014 và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết tại bản án dân sự phúc thẩm số 14/2014/DS-PT ngày 26.12.2014, sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của chị Hương và anh H2, chị H3 như sau: Anh H2 và chị H3 phải trả cho chị Hương số tiền gốc và lãi là 1.410.966.000đ, anh H2 và chị H3 đồng ý dùng quyền sử dụng đất 9.071m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 26, tại Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận số AP 213423 ngày 12.6.2009 mang tên ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3 và toàn bộ cây cối hoa màu, tài sản trên đất để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trên cơ sở công văn số 168/2014/CV-TA ngày 11.7.2014 của Tòa án nhân dân huyện Y về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, Công văn số 64/CV-CCTHA ngày 12.02.2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, ngày 29.01.2016 UBND huyện C ban hành văn bản số 134/UBND-NC về việc tạm hoãn giao dịch thủ tục hành chính đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO345920 ngày 24.4.2009 cho ông Phạm Viết H2 và bà Nguyễn Thị H3.

Ngày 28.10.2015, Tòa án nhân dân huyện Y ban hành công văn số 256/CV-TA thông báo là Công văn số 168/2014/CV-TA ngày 11.7.2014 của Tòa án nhân dân huyện Y đã hết hiệu lực từ ngày 23.7.2014. Ngày 22.01.2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện C ban hành Công văn số 61/CV-CCTHA về việc thu hồi một phần Công văn số 64/CV-CCTHA ngày 12.02.2015 liên quan đến việc giao dịch đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26.

Ngày 17.9.2014, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2014/QĐ ST-DS có nội dung:...Thay thế nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.384.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị H3 đối với chị Giang Thị Thanh L bằng việc anh Phạm Viết H2 và chị Nguyễn Thị H3 chuyển giao cho chị Giang Thị Thanh L được quyền sử dụng diện tích đất 15.270,7 m² thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26, tại thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai...

Trên cơ sở đó, ngày 10/6/2016 UBND huyện C ban hành văn bản số 695/UBND-NC về việc cho phép thực hiện các giao dịch hành chính đối với thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26...

Bà Đỗ Thị H không đồng ý nên khiếu nại. Ngày 23/11/2018, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 847/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị H. Bà H không đồng ý quyết định nói trên nên khởi kiện vụ án hành chính.

Từ những căn cứ đã được phân tích trên cho thấy: Tại bản án dân sự phúc thẩm số 14/2014/DS-PT ngày 26.12.2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình không đề cập gì đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26...mà thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 được giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 06/2014/QĐST-DS ngày 17.9.2014 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Việc giải quyết khiếu nại nói trên của Chủ tịch UBND huyện C đối với bà Đỗ Thị H là có cơ sở. Do đó, bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Đỗ Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158 Luật tổ tụng hành chính, Khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ quy định về trình tự giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 121, 122 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 167 Luật

đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác nội dung đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị H về yêu cầu hủy Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị H, trú tại số 27, đường 4, Phố 11, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (lần đầu).

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ 600.000đ bà H đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0007970 ngày 23 tháng 12 năm 2019 và số 0008144 ngày 17/8/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm